



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIỀN/VICEM HA TIEN CEMENT JOINT STOCK COMPANY

TRẠM NGHIÊN PHỦ HỮU/PHU HUU GRINDING STATION

Địa chỉ/Address: Tổ 8, Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM

Group 8, Quarter 4, Phu Huu ward, Thu Duc city, HCMC

Điện thoại: 08 37317990

Fax: (84) 08 37317992

Số/No.: 2580/2021/XMPCB40MS(LINE 1+2)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

Ngày/Date: 02/11/2021

Trang/Page: 1/1

1. Tên mẫu: Xi Măng Poóclăng Hỗn Hợp Bền Sulfate PCB40-MS
(Tên Thương mại: Xi măng Vicem Hà Tiên Bền Sun phát PCB40-MS)

Name of sample:

2. Số lô: 04/10/2021 Ngày xuất: 04/10/2021 Khối lượng lô hàng: 35.0 tấn

Lot no.: Date of delivering: Volume of consignment:

3. Ngày sản xuất: 01/10/2021

Date of manufacture: Thời gian thử nghiệm: 05/10/2021 - 02/11/2021 Phương pháp lấy mẫu: HD-516-01-02 (*)

4. Ngày lấy mẫu: 04/10/2021

Date of sampling: Testing duration: Sampling method:

5. Tên khách hàng/Client: Xí nghiệp Tiêu thụ & Dịch vụ - Công ty CP Vicem Hà Tiên

Địa chỉ/Address: 09÷19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp. HCM

6. Điều kiện thử nghiệm/Testing conditions:

- Phòng tạo mẫu và thử mẫu/ Mixing and testing room: $t = (27 \pm 2) ^\circ\text{C}$, $R_h \geq 50\%$

- Bể nước bảo dưỡng mẫu/ Water curing tank: $t = (27 \pm 1) ^\circ\text{C}$

- Tủ môi trường/ Humidity cabinet: $t = (27 \pm 1) ^\circ\text{C}$, $R_h \geq 90\%$

7. Kết quả thử nghiệm/Test results:

TÊN CHỈ TIÊU Characteristics	PHƯƠNG PHÁP THỬ Test method	YÊU CẦU KỸ THUẬT Standard specification TCVN 7711 : 2013	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test result
1. Cường độ nén/Compressive Strength, - 3 ngày $\pm 45'$ / 3 days ± 45 mins - 28 ngày ± 8 giờ/ 28 days ± 8 h	MPa MPa TCVN 6016 : 2011	≥ 18 ≥ 40	21.8 43.7
2. Thời gian đông kết/Setting time, - Bắt đầu - Initial, - Kết thúc - Final,	min min TCVN 6017 : 2015	≥ 45 ≤ 420	210 250
3. Độ nghiền mịn/Fineness - Phần còn lại trên sàng 0,09 mm - Residue on sieve 0,09 mm - Bề mặt riêng/ Blaine: - Specific surface/ Blaine	% cm ² /g TCVN 4030 : 2003	≤ 10 ≥ 2800	0.3 4220
4. Độ ổn định thể tích theo Le Chatelier Soundness, Le Chaterlier method	mm TCVN 6017 : 2015	≤ 10	0.57
5. Hàm lượng SO ₃ /Sulfur trioxide content	% TCVN 141 : 2008	≤ 3.5	1.83
6. Độ bền sulfate (xác định bằng sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sulfate)/ Sulfate expansion - 06 tháng - months	% TCVN 7713 : 2007(*)	≤ 0.1	-

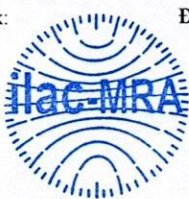
Ghi chú/ Note:

- Phiếu kết quả thử nghiệm này thay thế cho phiếu Số/No.: 2580/2021/XMPCB40MS(LINE 1+2) (1) - "nếu có"

Nhận xét/Remark:

Đạt/pass:

Không đạt/None ☐



1 Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nêu trên - Test results are valid for the namely submitted sample lot.

2 Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm, (ngoại trừ toàn bộ) nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trưởng phòng TN
(This test report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Laboratory manager.

3 (*) Chỉ tiêu được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025 bởi BoA/ (1) The characteristics hasn't been conformed to ISO/IEC 17025 by BoA

BM516-02.03

03/01-06-2021